

Số: 07/2022/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 21 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu
tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ khoản 1 Điều 27 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm
2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu
tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài
nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
37/TTr-STNMT ngày 24 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế khai thác và sử dụng cơ
sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên
và Môi trường, Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở,
ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các cơ
quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 3 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Các phòng; NN-TN, NC, KGVX;
- Lưu: VT, L16.05.06, Ktr83/02.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Sử



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau
(Kèm theo Quyết định số 07 /2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau (viết tắt là CSDLTNMT).
2. Quy chế này không áp dụng đối với việc khai thác và sử dụng dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cà Mau.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc khai thác và sử dụng CSDLTNMT.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường: là tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá và tổ chức quản lý, lưu trữ một cách có hệ thống được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí.
2. Dữ liệu số: là dữ liệu dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được biểu diễn bằng tín hiệu số. Trong Quy chế này, dữ liệu được hiểu là dữ liệu số và là dữ liệu của cơ sở dữ liệu.
3. Dịch vụ chia sẻ dữ liệu: là các dịch vụ cung cấp, chia sẻ dữ liệu cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hoặc thu nhận dữ liệu từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân qua các hệ thống thông tin. Trong hệ thống thông tin, dịch vụ chia sẻ dữ liệu là giao diện tương tác của phần mềm phục vụ tiếp nhận kết nối và trao đổi các thông điệp dữ liệu với các hệ thống bên ngoài.

Điều 4. Các quy định chung về CSDLTNMT

1. Tính pháp lý
 - a) Dữ liệu được quản lý trong CSDLTNMT đảm bảo giá trị pháp lý tương đương với văn bản giấy chứa thông tin được cơ quan có thẩm quyền cung cấp;



b) Dữ liệu được khai thác và sử dụng từ CSDLTNMT phải có xác nhận của đơn vị được Sở Tài nguyên và Môi trường giao nhiệm vụ mới có giá trị pháp lý.

2. Tính duy nhất

CSDLTNMT chỉ tồn tại duy nhất một phiên bản do Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý.

3. Tính toàn vẹn

a) Các công tác liên quan đến ngành tài nguyên và môi trường phải được cập nhật thường xuyên lên trên CSDLTNMT;

b) Các dữ liệu trước khi cập nhật vào CSDLTNMT phải được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm duyệt để đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy của dữ liệu.

4. Tính sẵn sàng sử dụng

CSDLTNMT phải đảm bảo được cập nhật chính xác và luôn sẵn sàng khai thác và sử dụng; phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

5. An toàn thông tin

a) Chỉ người sử dụng được giao quyền mới có thể truy cập vào CSDLTNMT và tác động vào cơ sở dữ liệu trong phạm vi quyền hạn của mình;

b) CSDLTNMT phải được đảm bảo an toàn trước những thay đổi dữ liệu ngoài ý muốn và các hành động phá hoại;

c) Không được cập nhật, chia sẻ, cung cấp CSDLTNMT ngoài thẩm quyền dưới bất kỳ hình thức nào.

6. Tính lịch sử

Các cập nhật dữ liệu vào CSDLTNMT phải được ghi nhật ký (logfile). Các nhật ký này sẽ được lưu giữ theo năm cùng với CSDLTNMT gốc để phục vụ tra cứu người sử dụng ở các phiên làm việc và tác động đối với cơ sở dữ liệu khi có các vấn đề về sự cố dữ liệu.

Điều 5. CSDLTNMT tỉnh Cà Mau

CSDLTNMT là cơ sở dữ liệu tích hợp, tập hợp từ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Cà Mau do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý, bao gồm:

1. Cơ sở dữ liệu đất đai;
2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên nước;
3. Cơ sở dữ liệu môi trường;
4. Cơ sở dữ liệu địa chất và khoáng sản;
5. Cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường biển và hải đảo;
6. Cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ;
7. Cơ sở dữ liệu viễn thám;
8. Cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu;



9. Cơ sở dữ liệu về kết quả thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, giải quyết bồi thường thiệt hại về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết;

10. Cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường;

11. Cơ sở dữ liệu về hồ sơ, kết quả của các chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường;

12. Cơ sở dữ liệu về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nguyên tắc khai thác và sử dụng CSDLTNMT

Tuân thủ theo các nguyên tắc quy định tại Điều 5 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (viết tắt là Nghị định số 73/2017/NĐ-CP).

Chương II KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CSDLTNMT

Điều 7. Các hình thức khai thác dữ liệu từ CSDLTNMT

Việc khai thác và sử dụng CSDLTNMT được thực hiện thông qua các hình thức sau đây:

1. Cấp tài khoản truy cập trực tiếp vào CSDLTNMT quyền để khai thác và sử dụng phục vụ cho công tác quản lý nhà nước, quá trình thực thi công vụ và giải quyết thủ tục hành chính cho các cơ quan, đơn vị nhà nước của tỉnh;

2. Kết nối, chia sẻ dữ liệu trực tuyến trên môi trường mạng với các hệ thống thông tin khác;

3. Chia sẻ dữ liệu được đóng gói và lưu trữ trên các phương tiện lưu trữ thông tin;

4. Khai thác thông tin, dữ liệu qua Trang Thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Cổng Thông tin điện tử tỉnh;

5. Thông qua phiếu, yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu.

6. Thông qua hình thức hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cấp, quản lý, sử dụng tài khoản truy cập CSDLTNMT

1. Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào yêu cầu khai thác và sử dụng CSDLTNMT của các cơ quan, đơn vị, cá nhân phục vụ cho công tác quản lý nhà nước, quá trình thực thi công vụ và giải quyết thủ tục hành chính để tổ chức việc cấp tài khoản theo quy định của Quy chế này.



2. Mọi tài khoản được cấp phải được định danh đến từng người dùng cụ thể. Tài khoản cấp cho người sử dụng được phân thành 03 loại:

- a) Tài khoản dùng để khai thác thông tin (không có chức năng làm thay đổi dữ liệu);
- b) Tài khoản dùng để cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu;
- c) Tài khoản dùng cho người quản trị.

3. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân được cấp tài khoản truy cập CSDLTNMT có trách nhiệm quản lý, bảo mật và chịu trách nhiệm về mọi tác động của tài khoản được cấp.

4. Khóa tài khoản

Các tài khoản sẽ bị khóa trong các trường hợp sau đây:

- a) Theo đề nghị của người có thẩm quyền về việc khóa tài khoản đã cấp cho cơ quan, đơn vị, cá nhân được quyền truy cập vào CSDLTNMT;
- b) Tài khoản bị phát hiện không bảo quản, bảo mật.

Điều 9. Thời hạn sử dụng dữ liệu sau khi khai thác

Dữ liệu được khai thác từ CSDLTNMT có thời hạn sử dụng nhất định. Thời hạn sử dụng dữ liệu được quy định như sau:

1. Dữ liệu khai thác qua hình thức được quy định tại khoản 1 và 2 Điều 7 của Quy chế này được phép sử dụng ngay sau khi khai thác nếu không có quy định khác;
2. Dữ liệu khai thác qua các hình thức khác được sử dụng nhiều lần trong phạm vi thời gian do Sở Tài nguyên và Môi trường quy định. Hết hạn thời gian hạn định, dữ liệu không có giá trị sử dụng.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng CSDLTNMT

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng CSDLTNMT có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều 20 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP và khoản 2 Điều 52 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước (viết tắt là Nghị định số 47/2020/NĐ-CP).

Điều 11. Công bố danh mục dữ liệu tài nguyên và môi trường, dịch vụ chia sẻ dữ liệu

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm công bố danh mục CSDLTNMT trên Trang thông tin điện tử của Sở hoặc Cổng Thông tin điện tử tỉnh phục vụ tra cứu, cung cấp, khai thác và sử dụng;

Điều 12. Tổ chức, quản lý CSDLTNMT

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm triển khai các hoạt động tổ chức, quản lý CSDLTNMT theo quy định, cụ thể:

1. Thu thập dữ liệu, tạo lập dữ liệu để hình thành CSDLTNMT;
2. Quản lý, duy trì, cập nhật dữ liệu, quản lý sự thay đổi dữ liệu;



3. Chia sẻ dữ liệu và quản lý chia sẻ dữ liệu;

4. Khai thác, sử dụng CSDLTNMT.

Chương III

*KẾT NỐI, CHIA SẺ CSDLTNMT TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Điều 13. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ CSDLTNMT

Tuân thủ theo các nguyên tắc quy định tại Điều 5 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

Điều 14. Phối hợp kết nối, chia sẻ CSDLTNMT

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Công bố danh mục dữ liệu và hình thức chia sẻ dữ liệu;

b) Phát triển dịch vụ chia sẻ dữ liệu, các tài liệu hướng dẫn kết nối khai thác dữ liệu;

c) Công khai các dịch vụ chia sẻ theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP;

d) Tiếp nhận các yêu cầu kết nối sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu, khai thác dữ liệu từ các cơ quan có nhu cầu sử dụng dịch vụ chia sẻ dữ liệu;

đ) Thực hiện việc kết nối, chia sẻ dữ liệu.

2. Các cơ quan, đơn vị có yêu cầu kết nối, chia sẻ CSDLTNMT

Gửi yêu cầu kết nối, khai thác CSDLTNMT đến Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, hướng dẫn.

Điều 15. Trách nhiệm trong kết nối, chia sẻ CSDLTNMT

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thực hiện các quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng CSDLTNMT tuân thủ các quy định tại khoản 2 Điều 52 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

Điều 16. Giải quyết vướng mắc kết nối, chia sẻ CSDLTNMT

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết các vướng mắc phát sinh khi kết nối, chia sẻ CSDLTNMT.

2. Nguyên tắc giải quyết vướng mắc

a) Bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Tôn trọng nội dung thống nhất chia sẻ dữ liệu của các cơ quan tham gia;

c) Bảo đảm hài hòa lợi ích của các cơ quan nhà nước, vì mục đích chung, tôn trọng phương án tự giải quyết của các cơ quan có liên quan.

3. Trình tự xử lý vướng mắc

a) Cơ quan khai thác dữ liệu có vướng mắc trong kết nối, chia sẻ CSDLTNMT gửi yêu cầu đến Sở Tài nguyên và Môi trường để hướng dẫn, giải quyết các vướng mắc. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận yêu cầu giải quyết, Sở Tài nguyên và Môi trường phải giải đáp, hướng dẫn xử lý các vướng mắc cho cơ quan khai thác dữ liệu.



b) Trường hợp vướng mắc không xử lý được, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để được xem xét, hướng dẫn giải quyết.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai các nhiệm vụ theo Quy chế này và thực hiện các hoạt động về quản trị cơ sở dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác dữ liệu theo quy định khoản 1 Điều 14 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc thực hiện các quy chuẩn, hướng dẫn về đồng bộ, tương thích, truy cập, chia sẻ thông tin giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong cơ quan nhà nước và cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh bảo đảm sự kết nối thông suốt và an toàn thông tin;

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ thông tin, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, phát huy hiệu quả CSDLTNMT phục vụ cho các ngành, các lĩnh vực.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Hàng năm, tùy vào tình hình cân đối ngân sách địa phương, Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí kinh phí duy trì, vận hành, thực hiện kết nối, chia sẻ CSDLTNMT.

Điều 20. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào CSDLTNMT nhằm thống nhất trong quản lý khai thác và công bố thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 21. Trách nhiệm triển khai thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, bất cập, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.